

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ THƯƠNG MẠI BTN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ THƯƠNG MẠI BTN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BTN TRADING AND DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BTN TRADING AND DEVELOPMENT INVESTMENT JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110815781

3. Ngày thành lập: 16/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 88 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914943838

Fax:

Email: hanhchinh.btn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
2.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng: Dây dẫn và thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, đĩa vệ tinh, hệ thống chiếu sáng, chuông báo cháy, hệ thống báo động chống trộm, tín hiệu điện và đèn trên đường phố, đèn trên đường băng sân bay. lắp đặt hệ thống điện kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình.	4321
3.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
4.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thang máy, cầu thang tự động; các loại cửa tự động; hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống hút bụi; hệ thống âm thanh; hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329

5.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà. Sơn các kết cấu công trình dân dụng, Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình nhà và công trình xây dựng khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng, Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác. Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự. Lắp đặt thiết bị nội thất, Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được... Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như: Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm. Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác. Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa. Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến...Giấy dán tường, Lắp gương, kính. Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng,.Các công việc hoàn thiện nhà khác, Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền...	4330
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
8.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
9.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
10.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón, hoa, cây cảnh,...	4773
11.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics	5229
15.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110(Chính)
16.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
17.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
18.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
19.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
20.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
21.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)	7490
22.	Cho thuê xe có động cơ	7710

23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
25.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
26.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
27.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
28.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
29.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
30.	Bốc xếp hàng hóa	5224
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
32.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
33.	Đào tạo trung cấp	8532
34.	Trồng lúa	0111
35.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
36.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
37.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng rau các loại Trồng đậu các loại Trồng hoa hàng năm	0118
38.	Trồng cây hàng năm khác	0119
39.	Trồng cây ăn quả	0121
40.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
41.	Trồng cây lâu năm khác	0129
42.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
43.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
44.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
45.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
46.	Chăn nuôi gia cầm	0146
47.	Chăn nuôi khác	0149
48.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
49.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
50.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
51.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
52.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
53.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
54.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
55.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
56.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

57.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
58.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
59.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
60.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
61.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
62.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
63.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
64.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
65.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
66.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
67.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
68.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
69.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
70.	Thu gom rác thải độc hại	3812
71.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
72.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
73.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
74.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
75.	Xây dựng nhà để ở	4101
76.	Xây dựng nhà không để ở	4102
77.	Xây dựng công trình điện	4221
78.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
79.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
80.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
81.	Xây dựng công trình thủy	4291
82.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
83.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
84.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
85.	Phá dỡ	4311

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ TÙNG LÂM	Khu Đình Cả, Xã Minh Tân, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	0252040115 38	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		
2	LÊ BẢO TRUNG	Khu Đình Cả, Xã Minh Tân, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	70,000	0250950046 55	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	70.000	700.000.000	70,000		

3	NGUYỄN QUỐC VIỆT	16 Lý Thường Kiệt, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	042088022084
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC VIỆT
Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/03/1988
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042088022084

Ngày cấp: 21/12/2022
Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *16 Lý Thường Kiệt, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *16 Lý Thường Kiệt, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội